TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2025/QĐCNTTLH	*Phú Thọ, ngày 22 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Hà Ngọc S và chị Nguyễn Thị T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của anh Hà Ngọc S;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện*: Anh **Hà Ngọc S,** sinh năm 1987;

Trú tại: Khu Đ, xã M, tỉnh Phú Thọ

(Khu Đ, xã V, huyện TS, tỉnh Phú Thọ cũ)

+ *Người bị kiện*: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1988;

Trú tại: Khu Đ, xã M, tỉnh Phú Thọ

(Khu Đ, xã V, huyện TS, tỉnh Phú Thọ cũ)

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2025, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Ngọc S và chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung:* Anh S và chị T có 02 con chung là Hà Bảo L, sinh ngày 20/4/2011 và Hà Phương Th sinh ngày 20/4/2019. Khi ly hôn, anh S và chị T thống nhất thỏa thuận chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 (hai) con chung là cháu L và cháu Th kể từ tháng 9 năm 2025 đến khi từng cháu thành niên. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T tự nguyện không có yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh S và chị T không yêu cầu giải quyết.

- *Về các vấn đề khác:* không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã M
(xã Văn Luông cũ);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Mai